TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 373/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 5 - 2019
V/v: "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Hiếu

2. Bà Phạm Thị Nhung

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lâm Đức Tài - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1281/2016/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2016 về: "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 28/8/14 Lương Thế Vinh, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hùng D, sinh năm: 1995; Địa chỉ: 871A Trần Hưng Đạo, phường 1, quận 5, Thành phố H. (Giấy ủy quyền số công chứng 09969 quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/6/2018 tại Văn phòng Công chứng quận 10, Thành phố H).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 822/135 Hương lộ 2, khu phố 6, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Kim Th, sinh năm: 1955;

- Ông Nguyễn Hoài Đ, sinh năm: 1946;

Cùng địa chỉ: 545 Nguyễn Oanh, phường 17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Đào Văn S, sinh năm: 1970;

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1967;

Cùng địa chỉ: 198/76 Nguyễn Sơn, phường Ph, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Đào Đình D, sinh năm: 1978

Địa chỉ: 65/20 Bành Văn Trân, phường 7, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa: Ông D, ông B, ông S, bà Th có mặt, bà Th và ông Đ có đơn xin vắng mặt, ông D vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn do ông Nguyễn Hùng D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà L và ông B là vợ chồng đã được Tòa án nhân dân quận 11 cho ly hôn theo Quyết định công nhận việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 554/2015/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2015 nhưng hai bên chưa giải quyết về tài sản chung.

* Trong thời kỳ hôn nhân bà L và ông B có tạo lập được các tài sản chung gồm:

- Nhà đất tại số 03/07 Hồ Học Lãm, phường 16, quận 8, Thành phố H theo Giấy chứng nhận số P064747 được UBND quận 8 cấp ngày 24/8/2000, tài sản này hiện nay đang thế chấp cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – chi nhánh Khánh Hội để vay 4.200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 24/2015/HĐTDHM-DN ngày 23/4/2015.

- Nhà đất tại số 28/8/14 Lương Thế Vinh, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04575 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 04/11/2005, nhận chuyển nhượng theo hợp đồng số 003566 ngày 22/01/2009.

- Đất tọa lạc tại phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00515 do Uỷ Ban nhân dân quận Bình Tân, Thành phố H cấp ngày 17/3/2010.

- Nhà đất 395/21/28 Minh Phụng, phường 10, quận 11, Thành phố H.

* Bà Linh và ông Ba có các khoản nợ chung sau:

- Nợ vợ chồng ông Mai Văn H và bà Vũ Thị Ch 1.000.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 28/4/2012.

- Nợ ông Đào Văn S 1.000.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 005020, quyển số 03TP/VPCC-SCC/HĐGD ngày 09/5/2012 tại Văn phòng công chứng Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương – chi nhánh Khánh Hội 4.200.000.000 đồng theo Hợp đồng theo Hợp đồng tín dụng số 24/2015/HĐTDHM-DN ngày 23/4/2015.

- Nợ ông Đào Đình D 1.575.000.000 đồng cùng với lãi suất phát sinh theo Hợp đồng vay tiền số 009546, quyển số 3TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/3/2015 tại Phòng công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngoài ra ông Phạm Văn B có ký nợ bà Lê Kim Th và ông Nguyễn Hoài Đ số tiền 3.531.000.000 đồng.

Trước khi ly hôn, bà L và ông B đã lập Văn bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng ngày 22/7/2015 với các nội dung sau:

* Ông Phạm Văn B được nhận các tài sản sau:

- Nhà đất 03/07 Hồ Học Lãm, phường 16, quận 8, Thành phố H theo Giấy chứng nhận số P064747 được Uỷ Ban nhân dân quận 8 cấp ngày 24/8/2000.

- Đất tọa lạc tại phường Bình Trị Đông A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00515 do Uỷ Ban nhân dân quận Bình Tân cấp ngày 17/3/2010.

- Nhà đất 395/21/28 Minh Phụng, phường 10, quận 11, Thành phố H.

* Bà Nguyễn Thị Thúy L được nhận các tài sản sau:

- Nhà đất tại số 28/8/14 Lương Thế Vinh, phường T, quận Tân Phú, TPHCM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04575 do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú cấp ngày 04/11/2005, nhận chuyển nhượng theo hợp đồng số 003566 ngày 22/01/2009.

- Số tiền 4.000.000.000 đồng do ông Phạm Văn B thanh toán cho bà L.

* Trách nhiệm của các bên như sau:

- Ông Phạm Văn B có trách nhiệm:

+ Phải trả khoản nợ 1.000.000.000 đồng cùng lãi suất theo giấy vay tiền ngày 28/4/2012 cho ông Mai Văn H và bà Vũ Thị Ch.

+ Trả khoản nợ 1.000.000.000 đồng cùng với lãi suất phát sinh theo theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 005020, quyển số 03TP/VPCC-SCC/HĐGD ngày 09/5/2012 tại Văn phòng công chứng Chợ Lớn, TPHCM cho ông Đào Văn S.

+ Trả khoản nợ chung 4.200.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – chi nhánh Khánh Hội theo Hợp đồng tín dụng số 24/2015/HĐTDHM-DN ngày 23/4/2015.

+ Trả khoản nợ 1.575.000.000 đồng cùng với lãi suất phát sinh theo Hợp đồng vay tiền số 009546, quyển số 3TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/3/2015 tại Phòng công chứng số 4, TPHCM cho ông Đào Đình D.

+ Trả những khoản nợ cùng lãi suất phát sinh do ông B tự vay mượn trong thời kỳ hôn nhân.

+ Ông B có trách nhiệm hoàn thành các thủ tục về hình thức để chuyển nhượng sang tên nhà đất 28/8/14 Lương Thế Vinh, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04575 do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú cấp ngày 04/11/2005, nhận chuyển nhượng theo hợp đồng số 003566 ngày 22/01/2009 cho bà L.

+ Phải cấp dưỡng 40.000.000 đồng/tháng/hai con .

+ Thanh toán cho bà L số tiền 4.000.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thúy L có trách nhiệm:

+ Nuôi 02 con chung Phạm Gia B và Phạm Quốc B đến tuổi trưởng thành và không gây khó khăn cho ông B khi đến thăm con.

+ Chịu trách nhiệm và chi trả các khoản phí liên quan đến việc đứng tên sở hữu nhà đất 28/8/14 Lương Thế Vinh, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi ly hôn, bà L đã nhiều lần yêu cầu ông B thực hiện văn bản thỏa thuận ngày 22/7/2015 nhưng ông B cố tình kéo dài, không thực hiện. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn B có trách nhiệm thanh toán số tiền 4.000.000.000 đồng và yêu cầu ông B có trách nhiệm hoàn thành các thủ tục về hình thức để chuyển nhượng sang

tên nhà đất 28/8/14 Lương Thế Vinh, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà L theo Văn bản thỏa thuận ngày 22/7/2015.

Đối với yêu cầu trả tiền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Sẽ do ông B chịu trách nhiệm trả nợ theo như nội dung văn bản thỏa thuận ngày 22/7/2015. Bà L không đồng ý trả nợ thay cho ông B do đó nguyên đơn không có ý kiến, yêu cầu gì về những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn ông Phạm Văn B trình bày:

Ông xác nhận ông và bà L đã được Tòa án nhân dân quận 11 cho ly hôn theo Quyết định công nhận việc thuận tình ly hôn số 554/2015/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2015 nhưng hai bên chưa giải quyết về tài sản chung.Trước khi ly hôn ông và bà L đã ký Văn bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng ngày 22/7/2015 như lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Tuy nhiên các bên chưa thực hiện được như nội dung bản thỏa thuận, ông cũng chưa đứng tên sở hữu bất kỳ tài sản nào như thỏa thuận nên ông không đồng ý với văn bản thỏa thuận ngày 22/7/2015 mà ông và bà L đã ký. Do đó ông không đồng ý yêu cầu thanh toán số tiền 4.000.000.000 đồng và yêu cầu sang tên nhà đất 28/8/14 Lương Thế Vinh, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh của bà L. Ông yêu cầu Tòa án công nhận căn nhà số 28/8/14 Lương Thế Vinh, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông và bà L và yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi theo quy định của pháp luật. Đối với tất cả các tài sản chung còn lại ông không có ý kiến, yêu cầu gì.

Đối với yêu cầu trả tiền của ông S và bà Th thì ông xác nhận theo như lời ông S và bà Th trình bày là đúng, ông yêu cầu bà L phải liên đới chịu trách nhiệm trả tiền số nợ trên vì đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đào Văn S, bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Ngày 09/5/2012, tại Văn phòng công chứng Chợ Lớn, Thành phố H ông đã ký hợp đồng vay tiền với cho ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị Thúy L để cho ông B và bà L vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày 09/5/2012; lãi suất: 1.5%/tháng, trả vào ngày 09 dương lịch hàng tháng, không thế chấp (theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 005020, quyển số 03TP/VPCC-SCC/HĐGD ngày 09/5/2012 tại Văn phòng Công chứng Chợ Lớn, Thành phố H; Địa chỉ: 445- 447 Hồng Bàng, phường 14, quận 5, Thành phố H).

Ông S xác nhận do khi đi ký công chứng chỉ một mình ông đi nên trong Hợp đồng vay tiền ông ghi đó là tài sản riêng của ông. Thực tế đó là tài sản chung của ông và vợ là bà Nguyễn Thị Th. Bà Nguyễn Thị Th xác nhận số tiền cho ông B và bà L vay trên là tài sản chung của vợ chồng bà.

Thực hiện hợp đồng ông S đã giao tiền cho ông B và bà L, nhưng vợ chồng ông B, bà L không trả tiền gốc và lãi cho đến nay. Nay thời hạn thực hiện hợp đồng đã hết, ông yêu cầu ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị Thúy L trả cho vợ chồng ông số nợ gốc và tiền lãi là 1.675.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 1.000.000.000 đồng x 0.75 x 150% x 12 tháng = 135.000.000 đồng (Từ ngày 09/5/2012 đến 09/5/2013).

- Nợ lãi quá hạn: 1.000.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 72 tháng = 540.000.000 đồng (Từ ngày 09/5/2014 đến ngày xét xử).

Thanh toán một lần ngay khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Kim Th và ông Nguyễn Hoài Đ trình bày:

Ông bà có cho ông Phạm Văn B vay số tiền 3.531.000.000 đồng và đã được Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố H giải quyết bằng Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 248/2016/QĐST- DS ngày 17/8/2016 và đã có hiệu lực pháp luật. Theo đó ông B có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông bà số nợ trên, vợ chồng ông bà sẽ trả lại cho ông B giấy tờ nhà số 28/8/14 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh mà ông B đã thế chấp. Do đó, trong vụ án này ông bà không có yêu cầu hay ý kiến gì, sau này ông B được Tòa án chia tài sản chung thì ông bà sẽ yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền thu hồi nợ.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, do ông Đào Đình D không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp và hòa giải nên Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn do ông Nguyễn Hùng D đại diện theo ủy quyền trình bày: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông B thanh toán số tiền 4.000.000.000 đồng và hoàn tất thủ tục sang tên căn nhà số 28/8/14 Lương Thế Vinh, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà L nữa. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác nhận nhà và đất 28/8/14 Lương Thế Vinh, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của bà Lvà ông B, đề nghị Tòa án chia đôi theo quy định pháp luật. Đối với khoản nợ của ông S và bà Th thì bà L xác nhận trách nhiệm liên đới trả 1/2 số nợ gốc và lãi theo yêu cầu của ông S và bà Th.

Bị đơn: Ông Phạm Văn B vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đào Văn S, bà Nguyễn Thị Th: Ông bà vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như trên.

- Bà Lê Kim Th và ông Nguyễn Hoài Đ: Có đơn xin giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Ông Đào Dình D: Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 48, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 73, 171, 173, 177, 179, 220, 228, 234, 239, 248, 249, 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện không trái pháp luật nên đề nghị Hội đơng xết xử công nhận sự thỏa thuận của ông B và bà L về việc công nhận nhà số 28/8/14 Lương Thế Vinh, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung và thống nhất chia đôi theo quy định pháp luật. Ghi nhận việc ông B, bà L, ông S, bà Th thống nhất ông B, bà L có trách nhiệm thanh toán mỗi bên là 837.500.000 đồng đối với Hợp đồng vay tiền số công chứng 005020, quyển

số 03TP/VPCC-SCC/HĐGD ngày 09/5/2012 tại Văn phòng Công chứng Chợ Lớn, Thành phố H; Địa chỉ: 445- 447 Hồng Bàng, phường 14, quận 5, Thành phố H). Đối với ông Đào Dình D, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết nhưng ông D vẫn không đến do đó không có cơ sở để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét Đơn khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án " Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn". Vụ án đã được Tòa án nhân dân quận 11 thụ lý ngày 27/01/2016 và chuyển cho Tòa án nhân dân quận Bình Tân ngày 07/10/2016, Sau đó Tòa án nhân dân quận Bình Tân chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý ngày 30/12/2016. Xét thấy, Tài sản tranh chấp tọa lạc tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt ông Đào Đình D: Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ để triệu tập đương sự theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông D vẫn vắng mặt, không đến Tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu, do đó không có cơ sở xem xét yêu cầu của ông D. Ông D có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D

Về thủ tục xét xử vắng mặt bà Lê Kim Th và ông Nguyễn Hoài Đ: Do bà Th và ông Đ cùng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Th và ông Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với ông Mai Văn H và bà Vũ Thị Ch: Do ông H và bà Ch xác nhận chưa có yêu cầu ông B và bà L thanh toán nợ trong vụ án này và có đơn yêu cầu Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án nên Tòa án không đưa ông H và bà Ch tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương: Do ông Phạm Hoàng L là đại diện theo ủy quyền xác nhận khoản nợ của ông B và bà L đối với Ngân hàng đã được đảm bảo bằng tài sản khác nên vụ án này không liên quan đến Ngân hàng, Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này và có đơn đề nghị không tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án không đưa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- Xét việc bà L và ông B yêu cầu Tòa án xác định nhà và đất số 28/8/14 Lương Thế Vinh, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung và chia đôi theo quy định pháp luật:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Công văn số 2652/CNTP-TLT ngày 13/7/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Tân Phú; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04575 do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú cấp ngày 04/11/2005, được Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Tân Phú cập nhật nội dung thay đổi cơ sở pháp lý ngày 18/02/2009 cùng lời trình bày của ông B và bà L, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nhà và đất số 28/8/14 Lương Thế Vinh, phường T, quận

Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của bà L và ông B, phù hợp quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà L, ông B thỏa thuận yêu cầu Tòa án chia đôi giá trị tài sản chung. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên ghi nhận, cụ thể chia như sau:

Căn cứ vào Biên bản định giá tài sản ngày 23/11/2018 thì giá trị nhà và đất trên là 3.914.732.000 đồng, chia đôi mỗi bên được 1.957.366.000 đồng.

- Xét yêu cầu của ông Đào Văn S và bà Nguyễn Thị Th yêu cầu ông B và bà L thanh toán nợ theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 005020, quyển số 03TP/VPCC-SCC/HĐGD ngày 09/5/2012 tại Văn phòng Công chứng Chợ Lớn, Thành phố H) là 1.675.000.000 đồng(Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng; Nợ lãi: 675.000.000 đồng). Thanh toán một lần ngay khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật:

Hội đồng xét xử xét: Tại Hợp đồng vay tiền số công chứng 005020, quyển số 03TP/VPCC-SCC/HĐGD ngày 09/5/2012 tại Văn phòng Công chứng Chợ Lớn, Thành phố H có ký xác nhận của ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị Thúy L cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay của ông B và bà L về việc xác nhận nợ theo hợp đồng vay trên đối với ông Đào Văn S và bà Nguyễn Thị Th. Do đó, có cơ sở xác định đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của bà L và ông B.

Ông S và bà Th cùng xác nhận số tiền 1.000.000.000 đồng cho Bà L và ông B vay theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 005020, quyển số 03TP/VPCC-SCC/HĐGD ngày 09/5/2012 là tài sản chung của ông bà.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông S và bà Th yêu cầu tính lãi kể từ ngày 09/5/2014 cho đến ngày xét xử (29/5/2019) theo mức lãi suất là 9%/năm là có lợi cho ông B, bà L và cũng phù hợp với Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Bà L, ông B cùng xác nhận mỗi bên có trách nhiệm trả 1/2 số nợ trên cho ông S và bà Th, cụ thể mỗi bên trả số tiền 837.500.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu luật pháp luật và được ông S, bà Th đồng ý là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật theo Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thúy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sau:

+ Bà Nguyễn Thị Thúy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần tài sản chung được chia (1.957.366.000 đồng), án phí là 70.720.980 đồng theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

+ Bà Nguyễn Thị Thúy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên khoản nợ chung phải thanh toán (837.500.000 đồng), án phí là 37.125.000 đồng theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Các nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm trên của bà L được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 58.000.000 đồng theo Biên lai thu số 09675 ngày 22/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 49.845.980 đồng.

- Ông Phạm Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sau:

+ Ông Phạm Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần tài sản chung được chia (1.957.366.000 đồng), án phí là 70.720.980 đồng theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

+ Ông Phạm Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên khoản nợ chung phải thanh toán (837.500.000 đồng), án phí là 37.125.000 đồng theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

- Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 34.500.000 đồng cho ông Đào Văn S và bà Nguyễn Thị Th.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 271 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33, Điều 59, Điều 60 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 219, Điều Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 12; Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Thúy L (do ông Nguyễn Hùng D đại diện theo ủy quyền) và ông Phạm Văn B về việc chia tài sản chung như sau:

Xác định nhà và đất số 28/8/14 Lương Thế Vinh, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04575 do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú cấp ngày 04/11/2005, được Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Tân Phú cập nhật nội dung thay đổi cơ sở pháp lý ngày 18/02/2009) là tài sản chung của ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị Thúy L, được chia như sau:

Bà Nguyễn Thị Thúy L và ông Phạm Văn B mỗi người được chia 1/2 giá trị tài sản chung (Theo Biên bản định giá tài sản ngày 23/11/2018 thì giá trị nhà và đất trên là 3.914.732.000 đồng), mỗi bên được chia thành tiền là 1.957.366.000 đồng (Một tỷ chín trăm năm mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

2. Công nhận sự thỏa thuận của ông Đào Văn S, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Thúy L (do ông Nguyễn Hùng D đại diện theo ủy quyền) và ông Phạm Văn B cùng thống nhất số nợ của Hợp đồng vay tiền số công chứng 005020, quyển số 03TP/VPCC-SCC/HĐGD ngày 09/5/2012 tại Văn phòng Công chứng Chợ Lớn, Thành phố H; Địa chỉ: 445- 447 Hồng Bàng, phường 14, quận 5, Thành phố H là 1.675.000.000 đồng (trong đó: Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng; Nợ lãi: 675.000.000 đồng), trách nhiệm thanh toán như sau:

- Ông Phạm Văn B có trách nhiệm thanh toán cho ông Đào Văn S và bà Nguyễn Thị Th số tiền 837.500.000 đồng (Tám trăm ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Thúy L có trách nhiệm thanh toán cho ông Đào Văn S và bà Nguyễn Thị Th số tiền 837.500.000 đồng (Tám trăm ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

- Thời hạn thanh toán: ngay khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thúy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 107.845.980 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 58.000.000 đồng theo Biên lai thu số 09675 ngày 22/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 49.845.980 đồng.

- Ông Phạm Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 107.845.980 đồng.

- Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí 34.500.000 đồng theo Biên lai thu số 0009511 ngày 17/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Đào Văn S và bà Nguyễn Thị Th.

4. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thúy L, ông Phạm Văn B, ông Đào Văn S, bà Nguyễn Thị Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Kim Th, ông Nguyễn Hoài Đ, ông Đào Đình D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP. HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, TP. HCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tuyết Nhung